

Số: 830 /TB-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH TRONG NƯỚC NĂM 2023- ĐỢT 2
(Địa chỉ website: <https://sdh.hcmus.edu.vn/>)

1. DANH MỤC CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: (phụ lục 1)

2. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN:

Người dự xét tuyển nghiên cứu sinh (dưới đây gọi là người dự tuyển) cần thỏa các điều kiện sau:

2.1. Điều kiện văn bằng: thỏa 1 trong các điều kiện văn bằng sau:

- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành đúng (Phụ lục 1) hoặc ngành phù hợp (Phụ lục 2) với ngành dự tuyển trình độ tiến sĩ.
- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành đúng (Phụ lục 1) hoặc ngành phù hợp (Phụ lục 2) với ngành dự tuyển trình độ tiến sĩ.
- Trường hợp người tốt nghiệp thạc sĩ, đại học ngành phù hợp với ngành dự tuyển thì phải được xét môn học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển.

Ghi chú: Người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có bằng công chứng tiếng Việt văn bằng tốt nghiệp, bằng điểm tiếng Việt kèm giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT về văn bằng tốt nghiệp nước ngoài khi nộp hồ sơ dự thi.

2.2. Năng lực nghiên cứu

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (minh chứng bằng bằng điểm thạc sĩ có ghi phương thức đào tạo);
- Hoặc có tối thiểu 01 bài báo, báo cáo khoa học đã công bố (minh chứng bằng bản sao bài báo, báo cáo khoa học đã công bố);
- Hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các Cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ (minh chứng bằng giấy xác nhận thâm niên công tác của cơ quan).

2.3. Giảng viên hướng dẫn (GVHD):

- Mỗi Ứng viên có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người hướng dẫn là giảng viên cơ hữu của Trường ĐH KHTN hoặc các Đơn vị thành viên của ĐHQG-HCM.
- Người hướng dẫn thỏa tiêu chí quy định tại Phụ lục 4a và có tên trong danh sách tại phụ lục 4b. Trường hợp GVHD chưa có tên tại phụ lục 4b, Ứng viên hoặc GVHD liên hệ bộ môn phụ trách ngành để cập nhật thông tin người hướng dẫn.

2.4. Về năng lực ngoại ngữ:

Ứng viên đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đầu vào như quy định tại phụ lục 5 thông báo này.

2.5. Bài luận về hướng nghiên cứu: (báo cáo phỏng vấn)

- Bài luận được viết và báo cáo bằng tiếng Việt và theo hướng dẫn tại phụ lục 6a, 6b .

- Ứng viên có nguyện vọng đăng ký viết luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh thì nộp phiếu đăng ký tại Phòng ĐT Sau đại học chậm nhất là trước khi báo cáo tiểu luận tổng quan và phải được Nhà trường chấp thuận.

2.6. Thư giới thiệu: Có hai thư giới thiệu của hai giảng viên hoặc nghiên cứu viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học hoặc học vị tiến sĩ đang công tác tại các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các viện có cùng ngành với người dự tuyển (chỉ được tối đa 1 thư giới thiệu từ GVHD)

2.7. Thâm niên công tác: không bắt buộc.

2.8. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.9. Có đủ sức khỏe để học tập.

2.10. Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn qui định.

3. TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN:

3.1. Năng lực ngoại ngữ: Người dự tuyển đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đầu vào như quy định tại phụ lục 5 thông báo này.

3.2. Phỏng vấn xét tuyển:

- Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp để đánh giá trình độ chuyên môn, khả năng tự nghiên cứu, học lực ở bậc đại học, thạc sĩ, xét duyệt hướng nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ.

- Điểm trung bình chung của tất cả thành viên Tiểu ban chuyên môn đạt từ 7.0 trở lên.

3.3. Năng lực nghiên cứu: đạt yêu cầu về năng lực nghiên cứu như qui định tại mục 2.2 thông báo này

3.4. Đánh giá của Hội đồng tuyển sinh:

Hội đồng tuyển sinh Sau đại học sẽ phê duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển căn cứ theo kết quả đánh giá của tiểu ban chuyên môn, năng lực ngoại ngữ và chỉ tiêu xét tuyển năm 2023.

4. HỒ SƠ DỰ TUYỂN:

Ứng viên đăng ký hồ sơ dự thi tại Phòng ĐT Sau đại học, Trường ĐH Khoa học tự nhiên từ ngày thông báo đến ngày **29/09/2023**. Ngoài hồ sơ do Phòng ĐT Sau đại học cung cấp, **ứng viên cần chuẩn bị thêm các hồ sơ sau:**

- 01 bản sao bằng TNĐH (có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng)
- 01 bản sao bằng điểm TNĐH (có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng)
- 01 bản sao bằng TN thạc sĩ (có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng)
- 01 bản sao bằng điểm TN thạc sĩ (có thị thực sao y, còn trong thời hạn 12 tháng)
- 02 tấm ảnh 3*4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh sau ảnh)
- 01 bản sao văn bằng ngoại ngữ (có sao y, còn trong thời hạn 12 tháng) hoặc 01 bản sao chứng chỉ ngoại ngữ (không sao y)
- 01 Sơ yếu lý lịch bản thân có xác nhận của địa phương nơi cư trú (*mẫu 1* hoặc mẫu sơ yếu lý lịch xin việc làm)
- 01 Lý lịch khoa học (*mẫu 2*), không cần xác nhận của Cơ quan hay địa phương
- 01 Giấy khám sức khỏe (tại phòng khám đa khoa quận, huyện còn thời hạn 12 tháng)

5. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN:

- Ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển (có thể nhờ người thân nộp thay) tại Phòng ĐT Sau đại học, trường ĐH Khoa học tự nhiên từ ngày thông báo đến **16g00, ngày 29/09/2023**

- Nhà trường chỉ nhận các hồ sơ đầy đủ, đúng qui định và đúng thời hạn.

- Đối với ứng viên chưa có bằng tốt nghiệp thạc sĩ hoặc bằng tốt nghiệp đại học thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp thay văn bằng tốt nghiệp khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trường hợp này ứng viên phải nộp bổ sung bản sao hợp lệ văn bằng tốt nghiệp trước ngày 30/11/2023, sau thời hạn này các ứng viên không nộp bản sao bằng tốt nghiệp sẽ bị hủy kết quả xét tuyển.

6. LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ LỆ PHÍ XÉT TUYỂN (nộp cùng với nộp hồ sơ dự thi):

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/ người dự tuyển
- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/ người dự tuyển

7. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN:

7.1. Thời gian phỏng vấn xét tuyển

- 1 buổi trong thời gian từ ngày 21/10/2023 – 28/10/2023
- Lịch cụ thể từng ngành sẽ thông báo sau ngày 09/10/2023 tại website: <https://sdh.hcmus.edu.vn/>

7.2. Điểm điểm phỏng vấn: Trường ĐH Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, P4, Q5, TP.HCM

8. KẾT QUẢ XÉT TUYỂN: dự kiến công bố sau ngày 30/11/2023

9. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ: Phụ lục 7.

10. HỌC PHÍ: Dự kiến mức thu học phí năm thứ 1 chính quy theo khối ngành như sau

Stt	Khối ngành	Các ngành đào tạo	Mức thu
1	IV	- Vật lý lý thuyết và vật lý toán; Quang học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý chất rắn; Vật lý địa cầu. - Vật lý vô tuyến và điện tử. - Hóa hữu cơ; Hóa phân tích; Hóa lý thuyết và hóa lý. - Sinh lý thực vật; Sinh lý học người và động vật; Hóa sinh học; Di truyền học; Vi sinh vật học; Sinh thái học; Công nghệ sinh học. - Địa chất học; Môi trường đất và nước.	53,200,000
2	V	- Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo - Đại số và lý thuyết số; Toán giải tích; Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Toán ứng dụng; Cơ sở toán cho tin học. - Vật lý kỹ thuật.	57,400,000
3	VII	Quản lý tài nguyên và môi trường.	52,500,000

11. CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ TIẾN SĨ:

Người dự tuyển chưa đáp ứng được các qui định về điều kiện dự tuyển có thể nộp hồ sơ đăng ký học dự bị tiến sĩ. Các môn học và bài báo khoa học trong thời gian dự bị tiến sĩ sẽ được bảo lưu tối đa 24 tháng.

Chương trình học dự bị tiến sĩ vui lòng xem chi tiết tại website: <https://sdh.hcmus.edu.vn/>

12. PHỤ LỤC VÀ MẪU HỒ SƠ (đính kèm)

Nơi nhận:

- Các Sở, Trường ĐH, CĐ, ...
- Website: <https://sdh.hcmus.edu.vn>
- ĐHQG -HCM (để báo cáo)
- Lưu VT, SDH



Trần Lê Quan

**DANH MỤC NGÀNH XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU
XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2023- ĐỢT 2**

Stt	Mã số	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1.	9480101	Khoa học máy tính	10
2.	9480104	Hệ thống thông tin	4
3.	9040107	Trí tuệ nhân tạo	8
4.	9460102	Toán giải tích	14
5.	9460104	Đại số và lí thuyết số	9
6.	9460106	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	4
7.	9460112	Toán ứng dụng	8
8.	9460110	Cơ sở toán học cho tin học	3
9.	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	3
10.	9440110	Quang học	3
11.	9440111	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	4
12.	9440106	Vật lý chất rắn	2
13.	9440104	Vật lý địa cầu	3
14.	9520401	Vật lý kỹ thuật	4
15.	9440105	Vật lý vô tuyến và điện tử	Không tuyển
16.	9440114	Hoá hữu cơ	15
17.	9440118	Hoá phân tích	Không tuyển
18.	9440119	Hoá lí thuyết và hoá lí	13
19.	9420116	Sinh lý học thực vật	5
20.	9420112	Sinh lý học người và động vật	6
21.	9420104	Hoá sinh học	5
22.	9420107	Vi sinh vật học	4
23.	9420120	Sinh thái học	5
24.	9420121	Di truyền học	2
25.	9420201	Công nghệ sinh học	6
26.	9440201	Địa chất học	6
27.	9440303	Môi trường đất và nước	4
28.	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	3
29.	9440122	Khoa học vật liệu	2

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG VỚI NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Stt	Ngành dự thi NCS	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			
1	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo Hệ thống thông tin	Tin học; Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Khoa học dữ liệu; An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Sư phạm Tin; Tin học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế; Kỹ thuật dữ liệu.	Tin học; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính; Trí tuệ nhân tạo
KHOA TOÁN - TIN HỌC			
1	Đại số và lý thuyết số	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Sư phạm Toán; Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Thống kê	Đại số và lý thuyết số; Hình học-Tô pô
2	Toán giải tích	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Thống kê; Sư phạm Toán	Toán giải tích
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Thống kê; Sư phạm Toán; Xác suất Thống kê toán; Khoa học dữ liệu.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Thống kê
4	Cơ sở toán cho tin học	Toán học; Sư phạm Toán; Toán tin; Tin học; Sư phạm Tin; Công nghệ thông tin; Cơ học; Tin học quản lý; Toán ứng dụng.	Cơ sở toán cho tin học; Tin học; Khoa học máy tính; Toán ứng dụng
5	Toán ứng dụng	Toán học; Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê; Sư phạm Toán.	Toán ứng dụng; Toán giải tích; Lý thuyết xác suất và Thống kê toán học
KHOA VẬT LÝ -VẬT LÝ KỸ THUẬT			
1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý; Sư phạm Vật lý; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật hạt nhân	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
2	Quang học	Vật lý; Khoa học vật liệu; Sư phạm Vật lý; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điện tử-viễn thông; Hóa học (chuyên ngành Hóa lý); Kỹ thuật hạt nhân	Quang học; Vật lý vô tuyến và điện tử; Vật lý ứng dụng; Khoa học vật liệu; Vật lý kỹ thuật
3	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Vật lý hạt nhân; Vật lý; Vật lý Y khoa; Kỹ thuật hạt nhân; Công nghệ hạt nhân; Sư phạm Vật lý	Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý Kỹ thuật; Vật lý lý thuyết và vật lý toán
4	Vật lý địa cầu	Vật lý địa cầu; Vật lý; Sư phạm Vật lý; Hải dương học; Khí tượng khí hậu học	Vật lý địa cầu; Khí tượng khí hậu học; Hải dương học
5	Vật lý chất rắn	Vật lý, Sư phạm Vật lý	Quang học; Khoa học vật liệu; Vật lý vô tuyến và điện tử

Stt	Ngành dự thi NCS	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
6	Vật lý kỹ thuật	Vật lý; Sư phạm Vật lý, Điện – Điện tử; Điện tử viễn thông; Khoa học vật liệu; Công nghệ thông tin; Toán tin;	Vật lý kỹ thuật; Vật lý vô tuyến và điện tử; Vật lý chất rắn; Vật lý lý thuyết và vật lý toán; Quang học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý địa cầu; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật điện tử; Điện - điện tử; Công nghệ bán dẫn; Kỹ thuật hạt nhân; Vật lý y khoa; Khoa học Máy tính; Kỹ thuật Máy tính; Kỹ thuật y sinh
KHOA ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG			
1	Vật lý vô tuyến và điện tử	Điện tử-Viễn thông; Điện-Điện tử; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học; Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật điện tử; Điện tử- Viễn thông; Điện-Điện tử; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học; Vi điện tử và thiết kế vi mạch
KHOA HÓA HỌC			
1	Hóa hữu cơ	Hóa học; Công nghệ hóa học; Công nghệ thực phẩm; Sư phạm Hóa; Kỹ thuật hóa học; Hóa dược; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Khoa học ứng dụng	Hóa hữu cơ; Hóa học; Công nghệ hóa học; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật hóa học; Hóa dược; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích
2	Hóa lý thuyết và hóa lý	Hóa học; Công nghệ hóa; Khoa học Vật liệu; Sư phạm Hóa; Công nghệ Thực phẩm	Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa học; Công nghệ hóa; Khoa học vật liệu; Công nghệ thực phẩm; Hóa vô cơ
3	Hóa phân tích	Hóa học; Công nghệ Thực phẩm; Công nghệ Hóa; Sư phạm Hóa	Hóa phân tích; Hóa học; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ hóa học
KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC			
1	Sinh lý học Thực vật	Sinh học; Sinh học ứng dụng; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Nông nghiệp; Nông học; Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Lâm sinh; Lâm học	Sinh lý thực vật; Sinh học; Công nghệ sinh học; Nông học; Khoa học cây trồng
2	Sinh lý học người và động vật	Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng; Sư phạm Sinh học; Thú y; Y khoa; Dinh dưỡng	Sinh học; Sinh học thực nghiệm; Vi sinh vật học; Hóa sinh học; Di truyền học; Công nghệ sinh học; Y học
3	Hóa sinh học	Sinh học; Sinh - Môi trường; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học.	Hóa sinh học; Sinh học; Công nghệ sinh học.
4	Vi sinh vật học	Sinh học; Sư phạm Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật Sinh học; Sinh học ứng dụng.	Vi sinh vật học; Sinh học; Công nghệ sinh học; Di truyền học; Hóa sinh học.

Stt	Ngành dự thi NCS	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
5	Sinh thái học	Sinh học; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Khoa học môi trường; Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Thủy sản; Quản lý môi trường; Quản lý nguồn lợi thủy sản; Lâm sinh; Nông lâm kết hợp; Quản lý tài nguyên rừng; Nông học; Bảo vệ thực vật; Thiết kế cảnh quan; Lâm nghiệp đô thị; Kinh tế tài nguyên môi trường; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Tài nguyên và du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Kỹ thuật môi trường; Ngư y; Thú y; Sinh y học môi trường	Sinh thái học; Vi sinh vật học; Sinh học; Sư phạm Sinh học; Công nghệ sinh học, Khoa học sự sống; Khoa học Môi trường; Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Thủy sản; Kinh tế tài nguyên môi trường; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên và Môi trường; Thiết kế cảnh quan; Thực vật học
6	Di truyền học	Sinh học; Sinh - Môi trường; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học	Di truyền học; Vi sinh vật học; Sinh học; Công nghệ sinh học; Hóa sinh học
7	Công nghệ sinh học	Sinh học; Sinh - Môi trường; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Khoa học cây trồng.	Công nghệ sinh học; Di truyền học; Vi sinh vật học; Sinh học; Hóa sinh học;
KHOA ĐỊA CHẤT			
1	Địa chất học	Địa chất học; Kỹ thuật địa chất; Địa kỹ thuật; Địa môi trường; Địa chất dầu khí; Địa vật lý; Vật lý địa cầu; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý tài nguyên khoáng sản; Kỹ thuật dầu khí; Khoa học Trái đất; GIS và viễn thám.	Địa chất học; Kỹ thuật địa chất; Địa kỹ thuật; Địa môi trường; Địa chất dầu khí; Địa vật lý; Vật lý địa cầu; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý tài nguyên khoáng sản; Kỹ thuật dầu khí; Khoa học Trái đất; GIS và viễn thám.
KHOA MÔI TRƯỜNG			
1	Môi trường đất và nước	Khoa học Môi trường; Kỹ thuật Môi trường; Công nghệ môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Quản lý biển đảo và đới bờ.	Khoa học môi trường; Kỹ thuật Môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường
2	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học Môi trường; Kỹ thuật Môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Quản lý biển đảo và đới bờ.	Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Kỹ thuật Môi trường
KHOA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU			
1	Khoa học vật liệu (hướng của Trường ĐH KHTN)	Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu; Khoa học và công nghệ vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Vật lý; Sư phạm Vật lý; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa học; Sư phạm Hóa học; Công nghệ hóa học.	Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu; Khoa học và công nghệ vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Vật lý chất rắn, Quang học; Vật liệu y sinh; Hóa phân tích, Hóa lý

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			
1	Trí tuệ nhân tạo	Kỹ thuật điện; Điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Toán và thống kê; Toán học; Toán giải tích; Đại số và lý thuyết số; Hình học và tô pô; Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Cơ sở toán học cho tin học; Toán ứng dụng	1. Nhập môn học máy 2. Trí tuệ nhân tạo 3. Khai thác dữ liệu 4. Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
2	Khoa học máy tính	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
3	Hệ thống thông tin	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
KHOA TOÁN - TIN HỌC			
1	Đại số và lý thuyết số	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
2	Toán giải tích	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
4	Cơ sở toán cho tin học	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
5	Toán ứng dụng	Đại số và lý thuyết số	1. Quy hoạch phi tuyến (4TC) 2. Giải tích số (4TC) 3. Giải tích lồi (4TC) 4. Mô hình hóa thống kê (4TC) 5. Giải tích đa trị (4TC)
6	Toán ứng dụng	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
KHOA VẬT LÝ - VẬT LÝ KỸ THUẬT			
1	Vật lý thuyết thuyết và vật lý toán	Vật lý nguyên tử hạt nhân & năng lượng cao	1. Cơ sở vật lý cho vật lý lý thuyết 2. Lý thuyết trường lượng tử 3. Lý thuyết trường hấp dẫn 4. Lý thuyết chất rắn 5. Lý thuyết hệ nhiều hạt 6. 1 môn tự chọn khác
2	Quang học	Kỹ thuật Y tế	1. Vật lý Laser và quang phổ laser 2. Quang phổ ứng dụng 3. Kỹ thuật phân tích vật liệu rắn 4. Vật lý tinh thể
3	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Hình ảnh học y khoa và khoa học phóng xạ	1. An toàn liều lượng (3TC) 2. Xử lý ảnh y khoa (4TC) 3. Ứng dụng phần mềm trong vật lý hạt nhân (4TC)

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
4	Vật lý địa cầu	Vật lý kỹ thuật	1. Thăm dò điện 2. Thăm dò địa chấn 3. Phương pháp điện từ
5	Vật lý địa cầu	Địa chất học; Kỹ thuật dầu khí	1. Vật lý địa cầu môi trường 2. Vật lý địa cầu ứng dụng
6	Vật lý chất rắn	Kỹ thuật điện tử- Viễn thông máy tính	1. Vật lý tinh thể 2. Thiết bị quang điện 3. Một số PPNC cấu trúc tinh thể và cấu trúc vùng năng lượng 4. Công nghệ chế tạo màng mỏng 5. Vật liệu thông minh và ứng dụng
7	Vật lý kỹ thuật	Cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Cơ học; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ điện tử; Khoa học tính toán; Hóa học; Kỹ thuật hoá học; Hoá vô cơ; Hoá lí thuyết và hoá lí.	Chọn học bổ sung 10 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo cao học của ngành Vật lý kỹ thuật, Vật lý vô tuyến và điện tử, Quang học
KHOA ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG			
1	Vật lý vô tuyến và điện tử	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
KHOA HÓA HỌC			
1	Hoá hữu cơ	Hóa Vô cơ; Hóa lý & Hóa lý thuyết; Khoa học & Công nghệ thực phẩm; Công nghệ thực phẩm & đồ uống; Khoa học vật liệu; Vật liệu y sinh; Môi trường; Khoa học môi trường; Công nghệ môi trường; Y học cổ truyền	1. Hóa học các hợp chất thiên nhiên nâng cao 2. Tổng hợp hữu cơ nâng cao 3. Các phương pháp phân tích cấu trúc hợp chất nâng cao
2	Hoá hữu cơ	Công nghệ sinh học; Sinh học; Sinh hóa;	1. Hóa học các hợp chất thiên nhiên nâng cao 2. Các phương pháp phổ nghiệm trong hóa học hữu cơ
3	Hóa phân tích	Khoa học & Công nghệ thực phẩm; Công nghệ thực phẩm & đồ uống; Khoa học môi trường; Môi trường; CNSH; Sinh học; Khoa học vật liệu.	1. Các phương pháp phân tích sắc ký và ứng dụng 2. PP xử lý thống kê và ứng dụng 3. Các PP phân tích dụng cụ 1
4	Hoá lý thuyết và hoá lý	Hoá phân tích	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Thực hành phân tích dụng cụ 1
5	Hoá lý thuyết và hoá lý	Hóa Vô cơ; Hóa hữu cơ; Công nghệ thực phẩm; Khoa học môi trường; Vật liệu và linh kiện nano; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Tổng hợp polyme nâng cao
6	Hoá lý thuyết và hoá lý	Công nghệ sinh học; Sinh học	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Tổng hợp polyme nâng cao 4. Các phương pháp phân tích tính chất hóa lý vật liệu

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC			
1	Sinh lý học thực vật	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
2	Sinh lý học người và động vật	Vi sinh vật học	1. Nội tiết học 2. sinh lý dinh dưỡng 3. Sinh lý sinh hóa các quá trình trong cơ thể
3	Sinh lý học người và động vật	Y Khoa	1. Y sinh học tái tạo (3TC) 2. Công nghệ tế bào gốc và ứng dụng (3TC)
2	Sinh lý học người và động vật	Sinh thái học; Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu; Kỹ thuật y sinh	1. Sinh lý các quá trình trong cơ thể (3TC) 2. Mô hình động vật trong nghiên cứu y sinh (3TC) 3. Công nghệ tế bào gốc và ứng dụng (3TC)
4	Hoá sinh học	Công nghệ thực phẩm & đồ uống; Hóa học; Sinh lý thực vật; Sinh thái môi trường; Công nghệ hóa học, Sinh học thực nghiệm, Vi sinh vật học	1. Thu nhận và ứng dụng các hợp chất có hoạt tính sinh học (3TC) 2. Enzyme học nâng cao (3TC)
5	Hoá sinh học	Dược lý - Dược lâm sàng	1. Kỹ thuật sinh hoá (chọn 1 trong 2: lý thuyết hoặc thực tập) 2. Enzyme học nâng cao (3TC)
6	Hoá sinh học	Y học cổ truyền, Y đa Khoa	1/ Kỹ thuật sinh hoá (chọn 1 trong 2: lý thuyết hoặc thực tập) 2. Enzyme học nâng cao (3TC) 3. Công nghệ sinh hóa học
7	Sinh thái học	Kỹ thuật môi trường	1. Sinh học bảo tồn (3TC) 2. Hệ sinh thái đất ngập nước (3TC) 3. Thực tập chuyên đề (3TC) 4. 1 môn tự chọn khác (3TC)
8	Vi sinh vật học	Sinh học thực nghiệm	1. Phương pháp NCKH 2. Sinh học tế bào 3. Sinh học phân tử eukaryote 4. Biến dưỡng năng lượng và vật chất ở vi sinh vật 6. Thực tập chuyên ngành vi sinh
9	Vi sinh vật học	Bảo vệ thực vật	Di truyền vi sinh vật (3TC)
10	Di truyền học	Y khoa	Sinh học phân tử đại cương
11	Công nghệ sinh học	Dược học; Dược lý và Dược lâm sàng; Chấn thương chỉnh hình	1. Sinh học phân tử tế bào 2. Miễn dịch học phân tử và tế bào nâng cao 3. Các vấn đề hiện đại trong CNSH 4. Công nghệ y sinh học tái tạo 5. Sinh học ung thư

Stt	Ngành dự thi tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
12	Công nghệ sinh học	Thực vật học; Sinh học thực nghiệm	1. Sinh học phân tử tế bào 2. Miễn dịch học phân tử và tế bào nâng cao 3. Các vấn đề hiện đại trong CNSH 4. Phương pháp NCKH
KHOA ĐỊA CHẤT			
	Địa chất học	Địa kỹ thuật, Địa môi trường, Địa chất dầu khí, Địa vật lý, Vật lý địa cầu, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật dầu khí	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
KHOA MÔI TRƯỜNG			
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh thái học; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên rừng; Bản đồ; Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Địa lý tự nhiên; Địa lý tài nguyên và môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững; Đô thị học; Quản lý đô thị; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp nước.	1. Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường (3TC) 2. Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường (3TC) 3. GIS và viễn thám ứng dụng trong quản lý TN&MT (3TC)
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh thái học; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên rừng; Bản đồ; Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Địa lý tự nhiên; Địa lý tài nguyên và môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững; Đô thị học; Quản lý đô thị; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp nước.	1. Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường (3TC) 2. Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường (3TC) 3. Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (3TC)
2	Môi trường đất và nước	Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh học; Công nghệ sinh học; Khoa học về trái đất; Địa chất học; Địa lý; Khí tượng thủy văn; Địa vật lý; Hải dương học; Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Thủy lợi; Xây dựng, Giao thông; Đô thị học; Cấp thoát nước; Kỹ thuật trắc địa, Bản đồ; GIS và viễn thám.	1. Khoa học môi trường (3TC) 2. Hóa môi trường (3TC) 3. Chuyên đề kiến thức nâng cao (3TC)
KHOA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU			
1	Khoa học vật liệu (hướng của Trường ĐH KHTN)	Vật lý học, Hóa học, Sinh học, Môi trường, Điện tử viễn thông, Công nghệ thông tin	Đại cương khoa học vật liệu (3TC) Vật liệu polymer và composite (3TC)

TIÊU CHUẨN GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH**1. Tiêu chuẩn chung của người hướng dẫn:**

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo. Đối với cán bộ hướng dẫn thực hành hoặc trợ giảng các học phần thuộc các ngành đặc thù có bằng thạc sĩ phải được thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, đề nghị và trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

d) Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

- Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

- Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành, hoặc bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phân biệt hoặc có chỉ số ISBN, ISSN; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo trong ĐHQG-HCM hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật, với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh. Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 03 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus mỗi năm, liên tục trong 03 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh, cơ sở đào tạo có thể xem xét tăng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn và báo cáo ĐHQG-HCM, nhưng không quá 50% số nghiên cứu sinh tối đa được hướng dẫn.

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH
VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo		
1	TS. Bùi Tiến Lên	Khoa học máy tính (Sinh trắc học)	btlen@fit.hcmus.edu.vn
3	TS. Châu Thành Đức	Khoa học máy tính (Xử lý tín hiệu âm thanh)	ctduc@fit.hcmus.edu.vn
4	TS. Đinh Bá Tiến	Khoa học máy tính (Tối ưu hóa)	dbtien@fit.hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Đinh Điền	Khoa học máy tính (Xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	ddien@fit.hcmus.edu.vn
9	TS. Lâm Quang Vũ	Công nghệ phần mềm / Khoa học máy tính (Xử lý ảnh, Trí tuệ nhân tạo)	lqv@fit.hcmus.edu.vn
10	GS.TS. Lê Hoài Bắc	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu)	lhbac@fit.hcmus.edu.vn
11	PGS.TS. Lê Hoàng Thái	Khoa học máy tính (Sinh trắc học)	lthtai@fit.hcmus.edu.vn
12	PGS.TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	Hệ thống thông tin (Khai thác văn bản)	lnhnam@fit.hcmus.edu.vn
13	TS. Lê Thị Nhân	Hệ thống thông tin (Khai thác dữ liệu)	ltnhan@fit.hcmus.edu.vn
14	PGS.TS. Lý Quốc Ngọc	Khoa học máy tính (Thị giác máy tính)	lqngoc@fit.hcmus.edu.vn
16	TS. Ngô Huy Biên	Công nghệ phần mềm, Thị giác máy tính và Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	nhbien@fit.hcmus.edu.vn
17	TS. Ngô Minh Nhựt	Khoa học máy tính (Xử lý tín hiệu âm thanh và tiếng nói)	nmnhut@fit.hcmus.edu.vn
18	PGS.TS. Nguyễn Đình Thúc	Khoa học máy tính (Mật mã học và An ninh thông tin)	ndthuc@fit.hcmus.edu.vn
20	TS. Nguyễn Hải Minh	Khoa học máy tính	nhminh@fit.hcmus.edu.vn
22	TS. Nguyễn Ngọc Thảo	Khoa học máy tính (Thị giác máy tính và Khai thác dữ liệu)	nnthao@fit.hcmus.edu.vn
23	TS. Nguyễn Thanh Phương	Khoa học máy tính	ntphuong@fit.hcmus.edu.vn
24	TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền	Công nghệ phần mềm (Kiểm chứng phần mềm)	ntmtuyen@fit.hcmus.edu.vn
25	TS. Nguyễn Trần Minh Thư	Hệ thống thông tin (Dịch vụ thông minh)	ntmthu@fit.hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
26	TS. Nguyễn Trường Sơn	Hệ thống thông tin (Xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	ntson@fit.hcmus.edu.vn
27	PGS.TS. Nguyễn Văn Vũ	Công nghệ phần mềm/Khoa học máy tính (Ước lượng phần mềm, kiểm thử tự động, khai thác dữ liệu lớn)	nvu@fit.hcmus.edu.vn
28	TS. Phạm Nguyễn Cương	Hệ thống thông tin (Dịch vụ thông minh)	pncuong@fit.hcmus.edu.vn
29	TS. Phạm Thị Bạch Huệ	Hệ thống thông tin (Bảo mật dữ liệu)	ptbhue@fit.hcmus.edu.vn
31	PGS.TS. Trần Đan Thu	Công nghệ phần mềm / Khoa học máy tính	tdthu@fit.hcmus.edu.vn
32	PGS.TS. Trần Minh Triết	Kỹ thuật phần mềm / Khoa học máy tính (Môi trường thông minh và Đa phương tiện)	tmtriet@fit.hcmus.edu.vn
33	TS. Trần Thái Sơn	Khoa học máy tính (Máy học, thị giác máy tính)	ttson@fit.hcmus.edu.vn
34	TS. Trần Trung Dũng	Khoa học máy tính (Mạng máy tính)	ttdung@fit.hcmus.edu.vn
35	PGS.TS. Vũ Hải Quân	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo, xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	vhquan@fit.hcmus.edu.vn
36	TS. Bùi Văn Thạch	Khoa học máy tính (An toàn thông tin)	bvthach@fit.hcmus.edu.vn
37	TS. Vũ Thị Minh Hằng	Khoa học máy tính	vtmhang@fit.hcmus.edu.vn
38	GS.TS. Huỳnh Văn Nam (JAIST)	Khoa học máy tính	huynh@jaist.ac.jp
	Toán giải tích		
1	PGS.TS. Lý Kim Hà	Giải tích	lkha@hcmus.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thành Long	Giải tích	ngtlong@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Nguyễn Huy Tuấn	Giải tích	nhtuan@hcmus.edu.vn
4	TS. Huỳnh Quang Vũ	Giải tích, topo, hình học	hqvu@hcmus.edu.vn
5	TS. Ông Thanh Hải	Giải tích, giải tích số	othai@hcmus.edu.vn
6	TS. Lê Ánh Hạ	Giải tích, giải tích số	laha@hcmus.edu.vn
7	TS. Bùi Lê Trọng Thanh	Giải tích	bltthanh@hcmus.edu.vn
	Đại số và lý thuyết số		
1	PGS. TS. Mai Hoàng Biên	Lý thuyết nhóm	mhbien@hcmus.edu.vn
2	GS. TS. Bùi Xuân Hải	Lý thuyết nhóm	bxhai@hcmus.edu.vn
3	TS. Trịnh Thanh Đèo	Đại số Leavitt	ttdeo@hcmus.edu.vn
4	TS. Lê Văn Luyện	Đại số máy tính	lvluyen@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
5	TS. Bùi Anh Tuấn	Hình học đại số	batuan@hcmus.edu.vn
6	TS. Nguyễn Anh Thi	Toán tổ hợp	nathi@hcmus.edu.vn
7	TS. Nguyễn Khánh Tùng	Module	nktung@hcmus.edu.vn
	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán học		
1	GS.TS. Đặng Đức Trọng	Lý thuyết xác suất và KT Toán học	ddtrong@hcmus.edu.vn
2	TS. Hoàng Văn Hà	Lý thuyết xác suất và KT Toán học	hvha@hcmus.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Mộng Ngọc	Lý thuyết xác suất và KT Toán học	ngtmngoc@hcmus.edu.vn
	Toán ứng dụng		
1	TS. Tạ Thị Nguyễn Nga	Toán tử dưới vi phân	ttnga@hcmus.edu.vn
2	TS. Bùi Xuân Thắng	Cơ học	bxthang@hcmus.edu.vn
3	TS. Vũ Đỗ Huy Cường	Cơ học	vdhcuong@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Nguyễn Lê Hoàng Anh	Lý thuyết tối ưu	nlhanh@hcmus.edu.vn
5	TS. Võ Sĩ Trọng Long	Lý thuyết tối ưu	vstlong@hcmus.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Yến Ngọc	Cơ học	ntnyen@hcmus.edu.vn
7	PGS.TS. Phạm Tự Vượng (ĐH Southampton, UK)	Toán ứng dụng	t.v.phan@soton.ac.uk
	Cơ sở toán học cho tin học		
1	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	Khoa học dữ liệu	ngtbinh@hcmus.edu.vn
	TS. Nguyễn Viết Hưng (ĐHSP, HCM)	Khoa học máy tính	hungnv@hcmue.edu.vn 0938022627
	TS. Nguyễn Đình Hiền (ĐH CNTT)	Cơ Sở Tri Thức	hiennnd@uit.edu.vn 0918735299
	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
1	TS. Võ Quốc Phong	Hạt cơ bản, vũ trụ học	vqphong@hcmus.edu.vn
2	TS. Trần Nguyên Lân	Quang lượng tử, thông tin lượng tử, tính toán lượng tử	tnlan@hcmiu.edu.vn
	Quang học		
1	PGS.TS. Lê Vũ Tuấn Hùng	Quang phổ, vật liệu nano	lvthung@hcmus.edu.vn
2	TS. Lê Trần	Graphene, màng NiO cảm biến khí và thiết bị quang điện	ltran@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Vũ Thị Hạnh Thu	Vật liệu nano kim loại-bán dẫn, quang phổ	vththu@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		
1	GS.TS. Châu Văn Tạo	Lý thuyết hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	cvtao@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Trương Thị Hồng Loan	Phân tích môi trường; Kỹ thuật hạt nhân	tthloan@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Huỳnh Trúc Phương	Phương pháp phân tích hạt nhân	htphuong@hcmus.edu.vn
4	TS. Hoàng Thị Kiều Trang	Vật lý y khoa; Kỹ thuật hạt nhân	htktrang@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Trần Thiện Thanh	Phân tích môi trường; Vật lý y khoa	ttthanh@hcmus.edu.vn
6	TS. Trịnh Hoa Lăng	Lý thuyết hạt nhân	thlang@hcmus.edu.vn
7	TS. Phan Lê Hoàng Sang	Vật lý lò phản ứng; Kỹ thuật hạt nhân	plhsang@hcmus.edu.vn
8	PGS.TS. Lê Công Hào	Phân tích môi trường; Kỹ thuật hạt nhân	lchao@hcmus.edu.vn
9	TS. Võ Hồng Hải	Điện tử hạt nhân	vvhai@hcmus.edu.vn
10	GS.TS. Châu Văn Tạo	Lý thuyết hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	cvtao@hcmus.edu.vn
	Vật lý chất rắn		
1	PGS.TS. Trần Quang Trung	Vật lý bán dẫn, vật liệu	tqtrung@hcmus.edu.vn
	Vật lý địa cầu		
1	PGS.TS. Võ Lương Hồng Phước	Mô hình thủy động lực vùng rừng ngập mặn; Động lực học vùng ven bờ và cửa sông	vlhphuoc@hcmus.edu.vn
2	TS. Lê Văn Anh Cường	Địa vật lý thăm dò	lvacuong@hcmus.edu.vn
3	TS. Lê Văn Tuấn (Viện Kỹ thuật Biển)	Nghiên cứu chế độ thủy động lực sông, ven biển, xói bồi và hình thái bờ sông, bờ biển	levantuan.vktb@gmail.com
	Vật lý kỹ thuật		
1	PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn	Ứng dụng thuật toán học máy và học sâu trong phân tích dữ liệu	hvtuan@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Đặng Văn Liệt	Xử lý ảnh	dangvanliet@gmail.com
3	PGS.TS. Trần Duy Tập	Vật liệu năng lượng tái tạo	tdtap@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Chí Nhân	Nghiên cứu về thuật toán học sâu và ứng dụng	ncnhan@hcmus.edu.vn
5	TS. Đỗ Đức Cường	Từ học và vật liệu từ	ddcuong@hcmus.edu.vn
6	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu	MEMS và kỹ thuật điện tử y sinh	nvhieu@hcmus.edu.vn
7	TS. Nguyễn Chí Linh	Lý thuyết hạt	nclinh@hcmus.edu.vn

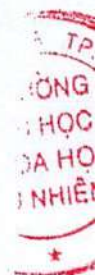
TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
8	TS. Nguyễn Anh Huy	Học máy và học sâu	nahuy@hcmus.edu.vn
9	TS. Lê Văn Anh Cường	Giải bài toán ngược trong minh giải cấu trúc địa chất	lvacuong@hcmus.edu.vn
10	TS. Ngô Võ Kế Thành	Thiết kế và mô phỏng động học phân tử vật liệu nanocomposite vàng kết hợp nano chitosan và nano curcumin	thanh.ngovoke@shtplabs.org
11	PGS.TS. Phạm Văn Việt (Trường ĐH Công nghệ TP.HCM)	Nghiên cứu chế tạo điện cực $\text{Co}_3\text{O}_4/\text{TiO}_2$ cho phản ứng tách nước sinh sunh khí hydro	pv.viet@hutech.edu.vn
	Vật lý Vô tuyến và điện tử		
1	TS. Bùi Trọng Tú	Mạch và hệ thống tích hợp thông minh	btuu@fit.hcmus.edu.vn
2	TS. Lê Đức Hùng	Hệ thống nhận dạng tốc độ nhanh hướng ASIC	ldhung@fit.hcmus.edu.vn
	Hóa hữu cơ		
1	PGS.TS. Nguyễn Trung Nhân	Hoá hợp chất thiên nhiên và Hoá Dược	ntnhan@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Tôn Thất Quang	Hoá hợp chất thiên nhiên và Hoá Dược	ttquang@hcmus.edu.vn
3	TS. Huỳnh Ngọc vinh	Hoá hợp chất thiên nhiên	hnvinh@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Lưu Thị Xuân Thi	Tổng hợp hữu cơ	ltxthi@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Trần Hoàng Phương	Tổng hợp hữu cơ	thphuong@hcmus.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Thảo Trân	Tinh dầu	ntttran@hcmus.edu.vn
7	GS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Hoá hợp chất thiên nhiên và Hoá Dược	nttmai@hcmus.edu.vn
8	TS. Nguyễn Thị Ý Nhi	Hoá hợp chất thiên nhiên và Hoá Dược	ntyngnhi@hcmus.edu.vn
9	PGS.TS. Trần Lê Quan	Hoá hợp chất thiên nhiên và Hoá Dược	tlquan@hcmus.edu.vn
10	TS. Nguyễn Trí Hiếu	Hoá hợp 3 chất thiên nhiên và Hoá Dược	ntrhieu@hcmus.edu.vn
	Hóa lý thuyết và hóa lý		

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
1	PGS.TS Nguyễn Thái Hoàng	1. Tổng hợp than sinh học (biochar) cho ứng dụng điện hóa (điện hấp phụ ion - CDI, giá mang xúc tác điện hóa, điện cực cho pin sạc, siêu tụ điện hóa, ...) 2. Tổng hợp vật liệu bán dẫn dị pha ứng dụng làm xúc tác quang hóa và xúc tác áp điện ứng dụng trong phân hủy chất ô nhiễm hữu cơ.	nthoang@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Phạm Trần Nguyên Nguyên	Tính toán lượng tử và máy học dự đoán, thiết kế phân tử vật liệu hữu cơ điện tử	ptnnguyen@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS Huỳnh Lê Thanh Nguyên	- Chế tạo, đánh giá khối nguồn pin dòng chảy (Redox Flow Batteries) trên cơ sở vanadium và đất hiếm - Vật liệu điện cực cho các loại pin sạc Na-ion, K-ion, Mg-ion, Zn-ion và siêu tụ điện hoá	hltnghuyen@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS Cồ Thanh Thiện	Điều chế xúc tác nano kim loại. Ứng dụng trong xử lý ô nhiễm và chuyển hoá năng lượng	ctthien@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Nguồn điện hoá học, Pin điện hoá, Vật liệu nano, Biomass	tvman@hcmus.edu.vn
6	PGS.TS. Nguyễn Tuyết Phương	Vật liệu chuyển hóa năng lượng và xúc tác	ntpnuong@hcmus.edu.vn
7	PGS.TS. Trương Vũ Thanh	Hóa xúc tác cho tổng hợp hữu cơ	tvthanh@hcmut.edu.vn
8	PGS.TS Lê Tiến Khoa	Vật liệu xúc tác Quang	ltkhoa@hcmus.edu.vn
9	PGS.TS. Lê Viết Hải	Điện hóa và Vật liệu chuyển hóa năng lượng	lvhai@hcmus.edu.vn
	Sinh lý học thực vật		
1	PGS.TS. Trần Thanh Hương	Dinh dưỡng và phát triển thực vật; Phương pháp nuôi cấy tế bào thực vật	trthuong@hcmus.edu.vn
2	TS. Trịnh Cẩm Tú	Kiểm soát sự phát triển hoa và trái; Sinh lý vi tảo và ứng dụng	tctu@hcmus.edu.vn
3	TS. Trần Thị Thanh Hiền	Tăng trưởng và tích lũy ở cây có củ"	ttthien@hcmus.edu.vn
4	TS. Đỗ Thường Kiệt	Biến dưỡng thực vật; Sự tăng trưởng và phát triển của thực vật	dtkiet@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Sinh lý học người và động vật		
1	PGS.TS. Trần Lê Bảo Hà	Tạo mô bằng công nghệ in 3D Công nghệ hỗ trợ sinh sản	tlbha@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Hoàng Thị Diễm Tuyết (BV Hùng Vương)	Sản phụ khoa, hiếm muộn	Tuyethoang05@yahoo.com
3	PGS.TS. Vương Thị Ngọc Lan (Trường ĐH Y Dược, HCM)	Sản phụ khoa, hiếm muộn	lanvuong@ump.edu.vn
	Vi sinh vật học		
1	PGS.TS. Nguyễn Đức Hoàng	(1) vector biểu hiện protein tái tổ hợp cho Bacillus subtilis; (2) nghiên cứu phát triển vaccine; (3) vi sinh vật đối kháng	ndhoang@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Phan Thị Phượng Trang	(1) vi sinh nông nghiệp và xử lý môi trường; (2) Đề kháng kháng sinh của vi sinh vật trong mẫu bệnh phẩm	ptptrang@hcmus.edu.vn
	PGS.TS. Lê Hùng Anh (ĐHCN)	Đa dạng và sinh khối vi sinh vật đất và trong tương quan hàm lượng carbon trong đất	lh.anh.9@gmail.com
	Hóa sinh học		
1	PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp	Các hợp chất có hoạt tính sinh học	ndnghiep@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Võ Thanh Sang (ĐH NTT)	Các hợp chất có hoạt tính sinh học	vtsang@ntt.edu.vn
3	PGS.TS. Vòng Bính Long (ĐHQT)	Vật liệu nano ứng dụng trong y sinh học	vblong@hcmiu.edu.vn
	Sinh thái học		
1	PGS.TS Hoàng Đức Huy	Di truyền thủy sinh vật trong quản lý tài nguyên biển	hdhuy@hcmus.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Xây dựng và phát triển vùng đệm khu bảo tồn đất ngập nước dựa trên nền tảng hệ sinh thái	ntkdung@hcmus.edu.vn
3	TS. Đặng Lê Anh Tuấn	Cấu trúc quần xã nấm ngoại cộng sinh	dlatuan@hcmus.edu.vn
	TS. Phạm Quỳnh Hương	Xây dựng hệ số phát thải CH ₄ từ hệ thống kênh rạch trong Thành phố Hồ Chí Minh	pqhuong@hcmus.edu.vn
	TS. Nguyễn Thị Lan Thi	Sinh thái thực vật, thực vật ngoại lai	ntlthi@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Di truyền học		
1	TS. Nguyễn Hoàng Chương	Di truyền người: nghiên cứu cơ bản và ứng dụng	nhchuong@hcmus.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thụy Vy	Di truyền vi sinh vật: nghiên cứu cơ bản và ứng dụng	ntvy@hcmus.edu.vn
	Công nghệ sinh học		
1	PGS.TS. Trần Văn Hiếu	Nghiên cứu cảm biến sinh học phát hiện VSV gây bệnh; Nghiên cứu tạo kit phát hiện nhanh bệnh ở thủy, hải sản; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bề mặt tế bào vi khuẩn Lactobacillus trong phòng bệnh cho người	tvhieu@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Đặng Thị Phương Thảo TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bề mặt tế bào nấm men trong phát triển các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, thực phẩm và nuôi trồng thủy sản	dtpthao@hcmus.edu.vn ntmtrinh@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Đặng Thị Phương Thảo TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Nghiên cứu thiết lập cơ sở dữ liệu cây thuốc dân gian tại Việt Nam và phân tích hoạt tính sinh học của các cây thuốc tiềm năng	dtpthao@hcmus.edu.vn ntmtrinh@hcmus.edu.vn
4	Trần Thị Vân Anh (Trường ĐH Y Dược, HCM)	Nghiên cứu chiết tách các chất có hoạt tính sinh học từ dược liệu	ttvananh@ump.edu.vn
	Địa chất học		
1	PGS. TS. Phạm Trung Hiếu	Kiến tạo và sinh khoáng, địa hóa đồng vị	pthieu@hcmus.edu.vn
2	TS. Nông Thị Quỳnh Anh	Sinh khoáng học	ntqanh@hcmus.edu.vn
3	TS. Dương Quốc Hưng (Viện Địa chất và ĐVL biển)	Địa chất- ĐVL, Tai biến địa chất, Viễn thám-GIS	quochunghdh@yahoo.com
4	TS. Nguyễn Thị Tố Ngân	Tai biến địa chất, địa chất môi trường, biến đổi khí hậu	ntngan@hcmus.edu.vn
5	TS. Đỗ Văn Lĩnh	Kiến tạo hiện đại, Tai biến địa chất và biến đổi khí hậu.	dovalinh@gmail.com
6	TS. Ngô Minh Thiện	Tài nguyên nước và biến đổi khí hậu	nmthien@hcmus.edu.vn
7	PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Thủy	Địa môi trường và tai biến địa chất	httthuy@hcmunre.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
8	TS. Trần Mỹ Dũng	Kiến tạo và sinh khoáng	tmd.humg@gmail.com
9	TS. Hà Quang Khải (ĐHBK-ĐHQG-HCM)	Quản lý môi trường nước, địa hóa môi trường	quangkhai02@hcmut.edu. vn
10	GS. TS. Christoph Anton Hauzenberger (ĐH Graz, Cộng Hòa Áo)	Thạch học biến chất, địa chất khu vực	christoph.hauzenberger @uni-graz.at
11	TS. Nguyễn Xuân Nam	Di sản địa chất, Địa mạo, tân kiến tạo	nam_nguyen_xuan@hotm ail.com
Môi trường đất và nước			
1	TS. Nguyễn Ái Lê	Vi sinh môi trường	nale@hcmus.edu.vn
2	TS. Trần Thị Thu Dung	Hóa môi trường, Hành vi các nguyên tố trong môi trường	tttdung@hcmus.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Thanh Huệ	Hóa môi trường	ntthue@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS Vũ Văn Nghị	Thủy lợi, thủy văn, tài nguyên nước	vvngghi@hcmus.edu.vn
5	TS. Lê Tự Thành	Hóa môi trường, vật liệu môi trường, nhiên liệu sinh học	letuthanh@hcmus.edu.vn
6	TS. Trương Thị Cẩm Trang	Vật liệu sinh học xử lý môi trường	ttctrang@hcmus.edu.vn
7	TS. Phan Như Nguyệt	Hóa môi trường, vật liệu xử lý môi trường	pnnguyet@hcmus.edu.vn
Quản lý tài nguyên và môi trường			
1	PGS.TS. Trương Thanh Cảnh	Quản lý, khai thác sử dụng hợp lý và bền vững tài nguyên thiên nhiên; Quản lý môi trường đô thị và công nghiệp; Các công cụ trong quản lý tài nguyên và môi trường.	ttcanh@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Tô Thị Hiền	Hóa học môi trường; Ô nhiễm vi nhựa; Khoa học về không khí và ô nhiễm không khí; Ô nhiễm môi trường và sức khỏe môi trường	tohien@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Đào Nguyên Khôi	Quản lý tài nguyên nước; biến đổi khí hậu; mô hình hóa môi trường	dnkhoi@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Bùi Việt Hưng	Quản lý và kỹ thuật tài nguyên nước; Biến đổi khí hậu và nước biển dâng; mô hình thủy lực- thủy văn	bvhung@hcmus.edu.vn
5	TS. Lê Hoàng Anh	Quản lý môi trường trong doanh nghiệp; đánh giá rủi ro môi trường	lhanh@hcmus.edu.vn



TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
6	TS. Trần Bích Châu	Hóa học môi trường, quản lý môi trường	tbchau@hcmus.edu.vn
7	TS. Nguyễn Bích Ngọc	Hóa phân tích môi trường; các tiêu chuẩn môi trường quốc tế	nbnngoc@hcmus.edu.vn
8	TS. Trần Thị Mai Phương	Độc học môi trường	ttmphuong@hcmus.edu.vn
9	TS. Nguyễn Thị Huỳnh Trâm	Mô hình hóa, Xử lý số liệu môi trường, Trí tuệ nhân tạo	nthtram@hcmus.edu.vn
10	TS. Lê Ngọc Tuấn	Quản lý chất thải rắn; Quản lý môi trường nước mặt; Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp; Biến đổi khí hậu; Truyền thông môi trường	lntuan@hcmus.edu.vn
11	TS. Nguyễn Thị Thụy Hằng	Quản lý tài nguyên nước; mô hình hóa môi trường; tối ưu hóa	ntthang@hcmus.edu.vn
12	TS. Nguyễn Lý Sỹ Phú	Ô nhiễm không khí; trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu môi trường	nlsphu@hcmus.edu.vn
13	TS. Lê Tự Thành	Hóa phân tích môi trường	letuthanh@hcmus.edu.vn
14	TS. Phạm Cao Thanh Tùng	Hóa vô cơ - Vật liệu	pcttung@ict.vast.vn

YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào trình độ tiến sĩ:

a) Chứng chỉ ngoại ngữ đạt tối thiểu trình độ B2 theo CEFR (tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). Các chứng chỉ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển. Cụ thể các chứng chỉ được áp dụng và thang điểm tối thiểu như sau:

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ đơn vị cấp	Điểm tối thiểu
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT/ <i>Educational Testing Service (ETS)</i>	iBT 46
		IELTS/ <i>British Council; International Development Program (IDP); Cambridge ESOL</i>	IELTS 5.5
		Cambridge Exam/ <i>Cambridge ESOL</i>	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160
		Aptis/ <i>British Council</i>	B2 (General)
5	Tiếng Pháp	TCF; DELF/ <i>Bộ Giáo dục Pháp</i>	TCF B2 ; DELF B2
6	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2
		The European Language Certificates	TELC Deutsch B2,
		Deutsches Sprachdiplom der Kultusministerkonferenz	DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm)
		Österreichisches Sprachdiplom Deutsch	ÖSD -Zertifikat B2
		European Consortium for the Certificate of Attainment in Modern Languages	ECL B2
The Germann TestDaF language certificate	TestDaF-TDN4		
7	Tiếng Trung	Hanyu Shuiping Kaoshi/ <i>Tổ chức Hanban, Trung Quốc</i>	HSK Level 4
8	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test/ <i>Japan Foundation</i>	JLPT N3
		Japanese Language NAT – Test/ <i>Senmon Kyouiku Publishing Co., Ltd</i>	NAT-TEST 2Q (100)
		Japanese Language J-TEST/ <i>Nihongo Kentei Kyokai</i>	J-TEST (600)
9	Tiếng Nga	ТРКИ / <i>Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin</i>	ТРКИ - 2
10	Tiếng Hàn	TOPIK/ <i>Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED)</i>	TOPIK Level 4



b) Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP) do các cơ sở đào tạo Việt Nam cấp và được Bộ GDĐT công nhận. Các chứng chỉ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển. Các cơ sở đào tạo Việt Nam được Bộ GDĐT công nhận cấp chứng chỉ VSTEP gồm:

- **Khu vực phía Bắc** gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ (ĐHQG-HN), Đại học Thái Nguyên, Đại học Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Học viện An ninh Nhân dân; Học viện Báo chí Tuyên truyền; Học viện Khoa học Quân sự; Đại học Thương Mại; Học viện Cảnh sát nhân dân; Đại học Bách Khoa- HN; Đại học Kinh tế Quốc dân.

- **Khu vực miền Trung** gồm các trường: Đại học Ngoại ngữ (Đại học Huế), Đại học Ngoại ngữ (Đại học Đà Nẵng), Đại học Vinh, Đại học Quy Nhơn, Đại học Tây Nguyên.

- **Khu vực phía Nam** gồm các trường: Đại học Sư phạm TP.HCM, Đại học Cần Thơ, Đại học Sài Gòn, Đại học Ngân hàng TP.HCM, Đại học Trà Vinh, Đại học Văn Lang; Đại học Công thương TP.HCM (*ĐH Công nghiệp Thực phẩm*); Đại học KH XH&NV-ĐHQG-HCM; Đại học Công Nghiệp TP.HCM; Đại học Nam Cần Thơ; Đại học Kinh tế TP.HCM; Đại học Lạc Hồng; Đại học Ngoại thương TP.HCM; Đại học Kinh tế- Tài chính TP.HCM.

1. Văn bằng ngoại ngữ xét đầu vào trình độ tiến sĩ

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đề án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh **Hiệp định** (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đơn vị được tổ chức đánh giá năng lực tiếng Việt gồm: các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài) hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có)..